

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Đàm;

Bà Lại Thị Nguyễn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Quyên – Thẩm tra viên chính của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Ông Vũ Mạnh Hùng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Văn Đ

Địa chỉ: Thôn HS, xã BH, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị D

Địa chỉ: Thôn HS, xã BH, huyện YB, tỉnh Yên Bái;

Hiện có thông tin đi xuất khẩu lao động tại Hungary.

(Các đương sự đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện gửi đến ngày 27 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn ông Mai Văn Đ trình bày:*

Ông Mai Văn Đ và bà Bùi Thị D kết hôn với nhau vào ngày 01/02/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống kinh tế khó khăn, đến đầu năm 2022, bà D đã đi lao động tại Hungary, nhưng đến nay thì không liên lạc với ông Đ nữa, ông Đ cũng không biết địa chỉ hiện nay của bà D, hỏi gia đình bà D thì giấu

không cho địa chỉ. Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể khắc phục được ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Bùi Thị D.

Về con chung: Ông Mai Văn Đ và bà Bùi Thị D có 02 con chung là cháu Mai Thị Diễm Q, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Mai Hoàng Hải Đ1, sinh ngày 18/01/2015, nguyện vọng của các cháu đều đề nghị được ở với bố. Khi ly hôn, ông Đ đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bà Bùi Thị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là bà Bùi Thị D vắng mặt, ông Mai Văn Đ không thể cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà Bùi Thị D tại Hungary, Tòa án đã đề nghị mẹ đẻ bà D là bà Bùi Thị Á (trú tại: Thôn BS, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa) cung cấp thì bà Á thông tin là hiện nay bà Bùi Thị D vẫn đang ở Hungary, vẫn liên lạc với gia đình và bà Á cũng đã thông tin việc ly hôn cho bà D biết, nhưng bà Á cũng không cung cấp địa chỉ hiện nay của bà D. Tòa án đi thu thập chứng cứ về địa chỉ hiện nay của bà D, nhưng không có kết quả điều đó thể hiện là bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy vụ án được giải quyết theo thủ tục chung. Đến ngày 09 tháng 12 năm 2022, trên cơ sở đề nghị của ông Đ đề nghị Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị bà D về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn trong ba số liên tiếp, nhưng đến nay bà D vẫn không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 271, Điều 273, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn Đ được ly hôn bà Bùi Thị D;

- Về con chung: Ông Mai Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Mai Thị Diễm Q, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Mai Hoàng Hải Đ1, sinh ngày 18/01/2015 và bà Bùi Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, để tìm kiếm địa chỉ hiện nay của bà Bùi Thị D, Tòa án đã áp dụng các biện pháp để tìm kiếm, gửi Công văn hỏi Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an, đi xác minh tại Công an xã nơi quản lý hộ khẩu của bà D, thông qua thân nhân của bà D là bà Bùi Thị A thì được biết là hiện nay bà D vẫn ở Hungary, vẫn liên hệ thường xuyên với người nhà, bà A đã thông tin cho bà D biết tin về việc ông Đ xin ly hôn, nhưng cũng không cung cấp địa chỉ của bà D, căn cứ vào hướng dẫn của Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Ông Mai Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Mai Văn Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn Đ và bà Bùi Thị D có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn bà Bùi Thị D. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Đ và bà D đã mâu thuẫn thể hiện là sau khi bà D đi xuất khẩu lao động, đã không còn liên lạc với ông Đ và cũng giấu cả địa chỉ nơi mình đang sinh sống, điều đó thể hiện đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông Mai Văn Đ xin ly hôn bà Bùi Thị D.

Về con chung: Ông Mai Văn Đ và bà Bùi Thị D có 02 con chung là cháu Mai Thị Diễm Q, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Mai Hoàng Hải Đ1, sinh ngày 18/01/2015. Xét thấy, sau khi bà D đi lao động ở nước ngoài, các cháu đều do ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cả hai cháu đều mong muốn được ở với bố, vì vậy cần giao cả hai con chung cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Mai Văn Đ không yêu cầu bà Bùi Thị D phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về lệ phí tố tụng: Ông Mai Văn Đ phải chịu tiền lệ phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của Đài Truyền thanh Trung ương và Báo công lý).

[4] Về án phí: Ông Mai Văn Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của

pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 271, Điều 273, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn Đ được ly hôn bà Bùi Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Thị Diễm Q, sinh ngày 10/6/2013 và cháu Mai Hoàng Hải Đ1, sinh ngày 18/01/2015 cho ông Mai Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Bà Bùi Thị D không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí tố tụng: Ông Mai Văn Đ phải chịu 6.000.000 đồng tiền lệ phí đăng thông tin trên Báo và Đài phát thanh Trung ương (xác nhận đã nộp đủ).

4. Về án phí: Ông Mai Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003326 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (ông Đ đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; bà Bùi Thị D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được công khai trên Báo và Đài truyền thanh trung ương theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã BH, huyện YB, tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Vân**

